

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng
tại chợ Kông Chro, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2028

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023; Luật số 140/2025/QH15
ngày 10/12/2025 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ
Tài chính ban hành Thông tư phương pháp định giá chung đối với hàng hóa,
dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Quyết định 18/2025/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2025 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định phân công thực hiện các nhiệm
vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 82/TTr-SCT ngày
23/3/2026 (kèm theo Báo cáo thẩm định số 88/BC-SCT ngày 23/3/2026) về việc
phê duyệt Phương án giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ Kông Chro,
xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2028.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại
chợ Kông Chro, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2028 (chi tiết theo
Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND xã Kông Chro chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ
chức thực hiện niêm yết công khai Phương án giá dịch vụ sử dụng điện tích bán
hàng tại chợ Kông Chro giai đoạn 2026-2028 được phê duyệt và quản lý, sử
dụng nguồn thu dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng của chợ Kông Chro theo quy
định của pháp luật hiện hành.

2. Đơn vị thu giá dịch vụ có trách nhiệm liên hệ với cơ quan thuế để được
hướng dẫn cụ thể về nghĩa vụ thuế và hóa đơn giá dịch vụ theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch UBND xã Kông Chro và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Hữu Quế;
- PVPXD;
- Lưu: VT, X3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Quế

Phụ lục
Đề xuất Phương án giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng
tại chợ Kông Chro, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 đến 2028
(chu kỳ 03 năm)

STT	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật	Số lượng (lô)	Diện tích mỗi lô (m ²)	Đơn giá (đồng/m ² /tháng)
A	KHU 51 KI-ỐT	51		
I	Khu ki-ốt mặt đường Nguyễn Huệ	17		
1	Khu ki-ốt hai mặt tiền: (Ki-ốt số 01, Ki-ốt số 17).	2	32	121.875
2	Khu ki-ốt một mặt tiền: (Ki-ốt số 02, Ki-ốt số 03, Ki-ốt số 04, Ki-ốt số 05, Ki-ốt số 06, Ki-ốt số 07, Ki-ốt số 08, Ki-ốt số 11, Ki-ốt số 12, Ki-ốt số 13, Ki-ốt số 14, Ki-ốt số 15, Ki-ốt số 16).	13	32	106.250
3	Khu ki-ốt hai mặt tiền: (Ki-ốt số 09, Ki-ốt số 10).	2	32	156.250
II	Khu ki-ốt mặt đường Hẻm nối từ đường Nguyễn Huệ sang đường Nguyễn Thị Minh Khai	8		
1	Khu ki-ốt hai mặt tiền: (Ki-ốt số 18, Ki-ốt số 23).	2	32	37.500
2	Khu ki-ốt một mặt tiền: (Ki-ốt số 19, Ki-ốt số 20, Ki-ốt số 21, Ki-ốt số 22, Ki-ốt số 24).	5	32	25.000
3	Khu ki-ốt một mặt tiền: (Ki-ốt số 25).	1	32	15.625
III	Khu ki-ốt mặt Nguyễn Thị Minh Khai	15		
1	Khu ki-ốt một mặt tiền: (Ki-ốt số 26).	1	32	9.375

2	Khu ki-ốt một mặt tiền: (Kiốt số 27, Ki-ốt số 28, Ki-ốt số 29, Ki-ốt số 30, Ki-ốt số 33, Ki-ốt số 34, Ki-ốt số 35, Ki-ốt số 36, Ki-ốt số 37, Kiốt số 38, Ki-ốt số 39).	11	32	25.000
3	Khu ki-ốt hai mặt tiền: (Ki-ốt số 31, Ki-ốt số 32, Ki-ốt số 40).	3	32	37.500
IV	Khu ki-ốt mặt Kpã Klong	11		
1	Khu ki-ốt hai mặt tiền: (Ki-ốt số 41, Ki-ốt số 45, Ki-ốt số 46, Ki-ốt số 51).	4	32	37.500
2	Khu ki-ốt một mặt tiền: (Ki-ốt số 42, Ki-ốt số 43, Ki-ốt số 44, Ki-ốt số 47, Ki-ốt số 48, Ki-ốt số 49, Ki-ốt số 50).	7	32	29.062
B	Khu vực nhà lồng chính và nhà lồng trong chợ có mái che cố định.	147		
I	Khu nhà lồng chính trong chợ	28		
1	Gian hàng trong nhà lồng chợ: (Sạp số 01 đến Sạp số 08).	8	9,6	5.000
2	Gian hàng trong nhà lồng chợ: (Sạp số 09 đến Sạp số 28).	20	7,7	5.000
II	Khu nhà lồng số 01 trong chợ	24		5.000
1	Gian hàng trong nhà lồng chợ: (Sạp số 1, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 17, 19, 22, 23)	15	4,2	5.000
2	Gian hàng trong nhà lồng chợ: (Sạp số 2)	1	6,3	5.000
3	Gian hàng trong nhà lồng chợ: (Sạp số 4, 10, 16)	3	3,15	5.000
4	Gian hàng trong nhà lồng chợ: (Sạp số 15)	1	5,25	5.000
5	Gian hàng trong nhà lồng chợ: (Sạp số 24, 26)	2	40	5.000
6	Gian hàng trong nhà lồng chợ: (Sạp số 25, 27)	2	20	5.000

III	Khu nhà lồng số 02 trong chợ	13		5.000
1	Gian hàng trong nhà lồng chợ: (Sạp số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 12, 13)	9	6	5.000
2	Gian hàng trong nhà lồng lô, sạp một mặt tiền: (Sạp số 10, 11)	2	12	5.000
IV	Khu nhà lồng số 03 trong chợ	32		5.000
1	Gian hàng trong nhà lồng chợ: (Sạp số 1, 10, 11, 12, 22, 23, 24, 32)	8	8	5.000
2	Gian hàng trong nhà lồng chợ: (Sạp số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31)	24	10	5.000
V	Khu nhà lồng số 04 trong chợ	32		
1	Gian hàng trong nhà lồng chợ: (Sạp số 1 đến Sạp số 30)	30	4,7	5.000
2	Gian hàng trong nhà lồng chợ: (Sạp số 31 và Sạp số 32)	2	14,0	5.000
VI	Khu nhà lồng số 05 trong chợ	16		
1	Gian hàng trong nhà lồng chợ: (Sạp số 1, 2, 15, 16)	4	3,0	5.000
2	Gian hàng trong nhà lồng chợ: (Sạp số 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14)	12	4,0	5.000
VII	Khu nhà lồng hàng gạo trong chợ	2		
1	Gian hàng trong nhà lồng chợ: (Sạp số 1 và Sạp số 2)	2	40	5.000

